

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Tên giao dịch Công ty niêm yết: **Công ty Cổ phần ô tô TMT**

Mã chứng khoán: **TMT**

Trụ sở chính: 199B Minh khai, P Minh Khai, Q Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: 04 3 8628205

Fax: 04 3 8628703

Người thực hiện công bố thông tin

Ông: **Bùi Quốc Công**

Địa chỉ: 199B Minh khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: 04 3 8628205

Fax: 04 3 8628703


Loại thông tin công bố: 24h 72h bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần ô tô TMT được lập theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính.

Thông tin này được đăng công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần ô tô TMT vào ngày 17/04/2019: <http://www.tmt-vietnam.com>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm: 
- Báo cáo thường niên 2018.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**



Bùi Quốc Công

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số: 314/BC-TMT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT
Công ty cổ phần ô tô TMT/TMT Motors Corporation
Năm báo cáo/Year: 2018

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ *Trading name*: Công ty cổ phần ô tô TMT/TMT Motors Corporation
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No*: 0100104563
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 372.876.800.000 đồng (Ba trăm bảy hai tỷ, tám trăm bảy sáu triệu, tám trăm ngàn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: 438.824.173.067 đồng (Bốn trăm ba mươi tám tỷ, tám trăm hai mươi bốn triệu, một trăm bảy mươi ba ngàn, không trăm sáu mươi bảy đồng).
- Địa chỉ/*Address*: 199B, Phố Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại/*Telephone*: (+84) 3862 8205
- Số fax/*Fax*: (+84) 3862 8703
- *Website*: <http://www.tmt-vietnam.com.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: TMT

Quá trình hình thành và phát triển/ Foundation and development process:

* Tháng 12/2006 Công ty cổ phần ô tô TMT được thành lập chuyên đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT của Bộ giao thông vận tải.

- Công ty chính thức hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần và đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 ngày 14/12/2006 với số vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng).

✦ Tháng 12/2007 công ty phát hành thêm 2.000.000 CP tăng vốn điều lệ lên thành 45.000.000.000 đồng. Mục đích tái cơ cấu lại vốn kinh doanh. Doanh thu đạt 977 tỷ đồng vượt 129,3%, lợi nhuận trước thuế đạt 75,5 tỷ đồng đạt 1.208%.

✦ Năm 2008: đầu tư 12.000.000.000 đồng mua cổ phần của Công ty cổ phần dịch vụ vận tải ô tô số 8.

- Xây dựng và khánh thành nhà máy Cửu Long giai đoạn II để phục vụ sản xuất tối thiểu đạt 120 xe một ngày. Đầu tư dây truyền sơn tĩnh điện (ED) để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tháng 12/2008 công ty thực hiện Nghị quyết hội đồng cổ đông tăng vốn điều lệ từ 45.000.000.000 đồng lên 90.000.000.000 đồng.

✦ Năm 2009 phát hành 35.775.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 125.775.000.000 đồng theo Nghị quyết số 555/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2009. Thực hiện dự án di dời, mở rộng nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô chỗ ngồi tối đa 60 chỗ và xe hai bánh gắn máy nâng công suất lên 120.000 xe/năm.

- Đạt giải thưởng: **“Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2009”**

✦ Năm 2010:

- Ngày 12/02/2010 phát hành 3.773.250 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 125.775.000.000 đồng lên 163.507.500.000 đồng theo Nghị quyết số 1256/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2009.

- Ngày 26/08/2010 phát hành 12.099.486 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 284.502.360.000 đồng theo Nghị quyết số 467/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2010.

- Đầu tư, lắp ráp và sản xuất xe ô tô TMT với công suất 10.000 xe/năm tại Hưng Yên.

- Đạt giải thưởng: **“Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2010”**

- Ông Bùi Văn Hữu – CT HĐQT Công ty đạt giải thưởng: **“Doanh nhân xuất sắc đất Việt 2010”**

- Đạt giải thưởng: **“Thương hiệu nổi tiếng Quốc gia 2010”**

✦ Năm 2013: Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng quản trị số 953/NQ-TMT-HĐQT ngày 26/12/2013, Công ty đầu tư mua 655.601,5 cổ phiếu của Công ty cổ phần cơ khí xây dựng và tư vấn thiết kế 30-4 và trở thành cổ đông lớn nhất nắm giữ cổ phần chi phối đạt tỷ lệ sở hữu 68.11% số lượng cổ phần phổ thông đã phát hành của Công ty cổ phần cơ khí xây dựng và tư vấn thiết kế 30-4.

✦ Năm 2014 thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014: Hội đồng quản trị Công ty tiến hành trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần tăng vốn điều lệ lên 308.391.170.000 đồng.

✦ Năm 2015: thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015, HĐQT đã lãnh đạo Công ty thực hiện đúng chủ trương đề ra, tái cấu trúc Công ty về mọi mặt. Doanh thu năm 2015 của nhóm Công ty đạt 3.365 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 186,78 tỷ đồng.

✦ Năm 2016: thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Công ty đã phát hành thêm 6.448.563 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 372.876.800.000 đồng.

Cũng trong năm này, Công ty đã thực hiện mua lô đất diện tích sử dụng gần 10.000m² tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 11/05/2016, Hội đồng quản trị công ty thông qua Quyết nghị thành lập Chi nhánh Công ty cổ phần ô tô TMT tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tháng 3/2016, Công ty đầu tư mua cổ phiếu Công ty cổ phần dịch vụ vận tải ô tô số 8 nâng tỷ lệ sở hữu lên 57,06%. (đã bán)

- Tháng 04/2016, Công ty đầu tư mua cổ phiếu Công ty cổ phần cơ khí xây dựng và tư vấn thiết kế 30-4 tăng tỷ lệ sở hữu lên 89,28%.

- Ngày 13/7/2016, Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần kinh doanh và dịch vụ số 8 với tổng số vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng trong đó Công ty cổ phần ô tô TMT góp 30% tương ứng 300.000 cổ phần.

✦ Năm 2017: thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017, HĐQT đã lãnh đạo Công ty thực hiện đúng chủ trương đề ra. Doanh thu năm 2017 của Công ty đạt 15,48 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 11,33 tỷ đồng.

- Các sự kiện khác/*Other events*: Không

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

*** Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business:**

- Sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại

- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải, nông sản và hàng tiêu dùng.

*** Địa bàn kinh doanh/Location of business:**

- Địa chỉ trụ sở Công ty: 199B, Phố Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

- Nhà máy sản xuất:

+ Chi nhánh Công ty cổ phần ô tô TMT tại tỉnh Hưng Yên - Nhà máy ô tô Cửu Long – xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

+ Chi nhánh Công ty cổ phần ô tô TMT tại Hưng Yên – Nhà máy xe khách, xe buýt TMT – xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

- Tổng kho tại miền Nam: Chi nhánh Công ty cổ phần ô tô TMT tại Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 1454 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/
Information about governance model, business organization and managerial apparatus.**

Mô hình quản trị/ Governance model:

Công ty cổ phần ô tô TMT có 3 chi nhánh trực thuộc, 01 công ty con và 01 công ty liên kết.

+ Chi nhánh trực thuộc gồm:

1/ CN Công ty cổ phần ô tô TMT tại tỉnh Hưng Yên – Nhà máy ô tô Cửu Long. Địa chỉ: xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

2/ CN Công ty cổ phần ô tô TMT tại Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 1454 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ CN Công ty CP ô tô TMT tại Hưng Yên – Nhà máy xe khách xe buýt TMT. Địa chỉ: xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

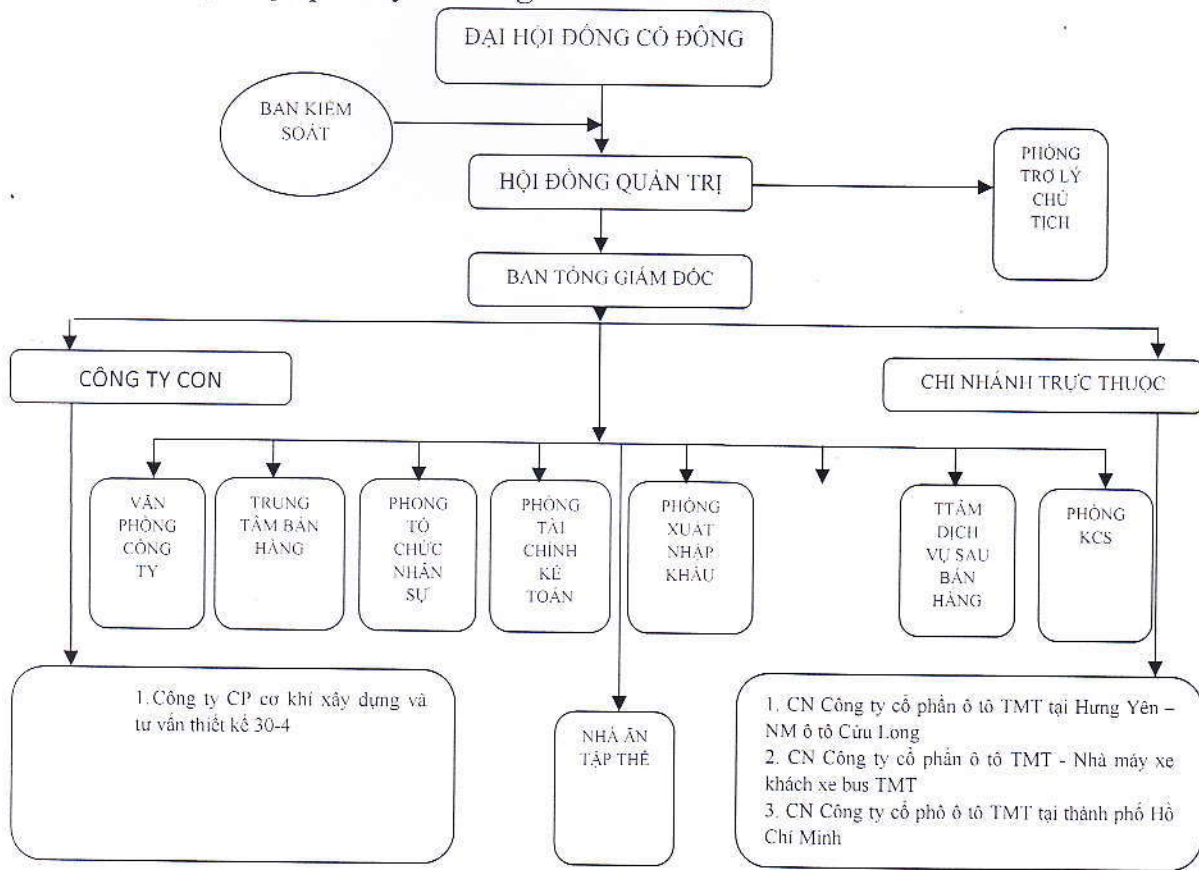
+ Công ty con gồm:

1/ Công ty CP cơ khí xây dựng và tư vấn thiết kế 30&4. Địa chỉ: Số 1053, Tổ dân phố Kiên Trung, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, TP Hà Nội.

+ Công ty liên kết gồm:

1/ Công ty cổ phần kinh doanh và dịch vụ số 8. Địa chỉ: Số 7 Lương Yên, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure.*



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*:

• **Công ty cổ phần cơ khí xây dựng và tư vấn thiết kế 30-4**

Trụ sở: Số 1053, Tổ dân phố Kiên Trung, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất SP cơ khí, kết cấu thép... phục vụ giao thông
Vốn điều lệ TMT đã góp tại thời điểm 31/12/2016: 25.568.460.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần ô tô TMT: 89,28%

• **Công ty cổ phần kinh doanh và dịch vụ số 8**

Trụ sở: Số 7, Phố Lương Yên, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Lĩnh vực kinh doanh chính: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô

Vốn điều lệ TMT đã góp: 3.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần ô tô TMT: 30%

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company*:

Để chuẩn bị cho việc hoàn thành mục tiêu kế hoạch 2018 và chiến lược kinh doanh trung và dài hạn Công ty đã đề ra. Ban Tổng giám đốc đã đưa ra những mục tiêu và định hướng cụ thể như sau:

1. Thị phần, thị trường: Xây dựng kế hoạch bán hàng phù hợp thực tế tình hình thị trường. Kiểm soát thị trường, thị phần các dòng xe trong từng phân khúc trên toàn hệ thống Đại lý.

2. Kế hoạch phát triển hệ thống Đại lý:

Năm 2015: Tổng đại lý của TMT là 40 đại lý trong đó có 24 đại lý xây dựng và hoàn thiện Showroom theo tiêu chuẩn TMT MOTORS - đạt tiêu chuẩn đại lý cấp I, 25 Đại lý cấp 2.

Năm 2016: Tổng số đại lý của TMT lên 54 đại lý: Trong đó có 37 đại lý cấp I, 17 đại lý cấp 2. Ngoài ra trong 54 đại lý bán xe TMT trong năm 2016, Công ty đã mở thêm được 08 đại lý bán xe TATA MOTORS.

Năm 2017: Ngày 22/11/2016, quốc hội đã thông qua việc đưa ngành nghề sản xuất lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô là ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Điều này có ý nghĩa rất to lớn đối với TMT nói riêng và ngành sản xuất lắp ráp xe ô tô nói chung. Tạo tiền đề quan trọng cho việc thực hiện định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và các năm tiếp theo.

+ Nhằm nâng cao sự nhận diện TMT trên toàn quốc trong năm 2018 tập trung đơn đốc toàn bộ hệ thống đại lý hoàn thiện và xây dựng Showroom theo đúng nhận diện mới TMT MOTORS. Kế hoạch đặt ra năm 2017 là nâng cấp và xây mới 16 đại lý 3S theo đúng nhận diện TMT MOTORS.

+ Mở thêm 10 đại lý bán xe TATA MOTORS.

+ Ngoài 54 đại lý thì trong Quý I.2017 TMT MOTORS khai trương 02 chi nhánh là: Chi Nhánh TMT MOTORS Phía Nam và CN TMT Hai Bà Trưng.

3. Kế hoạch phát triển sản phẩm:

- TMT MOTORS đang tập trung vào việc sản xuất và đưa ra thị trường các sản phẩm ngày càng chất lượng như: Sinotruk, Dongfong tiêu kang động cơ EURO IV, Động cơ Hyundai, Động cơ Isuzu, Tata Motors...

- Với các dòng xe ben là sản phẩm truyền thống và chủ lực của TMT MOTORS thì trong năm 2017 ngoài các xe đang phân phối TMT đã đầu tư thêm các mẫu xe ben mới mang thương hiệu Sinotruk.

4. Kế hoạch Marketing thúc đẩy bán hàng:

Để đưa sản phẩm và thương hiệu TMT MOTORS đến với khách hàng TMT tiếp tục đầu tư cho các hoạt động Marketing giới thiệu sản phẩm trên phương tiện truyền thông như: VTV (VTV1, VTV2...), Đài tiếng nói Việt nam (VOV giao thông...), Internet (Web, báo mạng, Google Adword...), các trang báo cũng như các tạp chí chuyên ngành ô tô...

Đặc biệt trong đầu năm 2017 TMT đang phối hợp với TATA MOTORS tổ chức chương trình Marketing Digital (Marketing số hóa) bước đầu gặt hái nhiều thành công.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

+ Năm 2016 Công ty đã hoàn thành đầu tư và đưa vào sử dụng dây truyền sơn ED: Công suất 30.000 xe/năm, cho phép Công ty nâng cao được sản lượng sản xuất lắp ráp, tăng chất lượng xe, độ bền màu, khả năng chống ăn mòn và chống gỉ, bên cạnh đó, công ty có thể nhận hợp đồng gia công sơn xe cho các hãng sản xuất xe ô tô khác tại Việt Nam như Nissan, Toyota...Giá trị đầu tư tương ứng trên 100 tỷ đồng.

+ Tháng 02/2016, đánh dấu một sự kiện quan trọng bằng “*Lễ ký kết Hợp tác độc quyền sản xuất lắp ráp và phân phối xe tải giữa TMT và SINOTRUK, đồng thời Khánh thành dây truyền lắp ráp xe tải nặng công suất 20.000 SP/năm*”.

+ Từng bước cải tiến và phát triển dòng xe Tata do TMT lắp ráp bằng mốc sự kiện lễ ký kết ra mắt dòng xe Tata Super ACE của tập đoàn TaTa Ấn Độ do TMT sản xuất và lắp ráp tại Việt Nam.

+ Phát triển, nâng cao năng lực của hệ thống Đại lý hiện hữu và mở rộng hệ thống Đại lý tại các tỉnh thành có dung lượng thị trường lớn đạt tiêu chuẩn 3S của TMT trên cả nước.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability:*

+ Phát triển trình độ doanh nghiệp đạt các tiêu chuẩn quốc tế.

+ Khuyến khích động lực phát triển và văn hóa doanh nghiệp

+ Phát triển mở rộng các giá trị mới của sản phẩm nhằm mang lại nhiều lợi ích và lựa chọn cho khách hàng.

+ Luôn quan tâm đến môi trường, điều kiện làm việc và nâng cao mức thu nhập của cán bộ công nhân viên.

+ Cam kết không ngừng góp phần vào sự phát triển của cộng đồng và sự nghiệp bảo vệ môi trường.

5. Các rủi ro/ Risks:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, Công ty không hoàn thành kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra ngoài nguyên nhân khách quan thì gồm một số nguyên nhân chủ quan như sau:

+ Một số thị trường chưa triển khai hiệu quả công tác bán hàng để tăng thị phần xe TMT. Các Đại lý chưa thực hiện tốt dịch vụ sau bán hàng, không thực hiện việc phát triển thị trường, không trưng bày đầy đủ các sản phẩm TMT, chưa chủ động tìm kiếm khách hàng mà chỉ bán sản phẩm khi có khách hàng đến nên dẫn đến thị phần ngày càng thu hẹp, doanh số sụt giảm.

+ Công tác bán hàng chưa được làm tốt, chưa xây dựng được một chiến lược bán hàng dài hạn, chưa nắm bắt được thị hiếu của khách hàng tại từng vùng miền khác nhau để đưa ra sản phẩm phù hợp.

Phân tích và nhìn nhận được nguyên nhân chủ quan ảnh hưởng đến công tác bán hàng như trên: Hội đồng quản trị Công ty đã kịp thời chỉ đạo Ban Tổng giám đốc lên kế hoạch đào tạo chuyên nghiệp, chuyên sâu cho Trung tâm bán hàng công ty trong năm 2019 để thực hiện hiệu quả và đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year:*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KQSXKD 2018	KQSXKD 2017	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu thuần về bán hàng	Tỷ đồng	1.281,72	2.336,34	
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	3,85	15,48	
3	Thuế TNDN hiện hành	Tỷ đồng	2,16	4,87	
4	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	Tỷ đồng	1,17	8,84	
5	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	Tỷ đồng	0,03	2,5	

(Theo báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan:*

Năm 2018 tuy chưa hoàn thành kế hoạch đề ra, nhưng là năm khởi đầu làm tiền đề và cột mốc cho các năm tiếp theo, khởi đầu cho một chiến lược phát triển dài hạn và bền vững.

2. Tổ chức và nhân sự/ *Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors:*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số phiếu cổ	Tỷ lệ sở hữu CP tại 31/12/2017(%)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

1	Bùi Văn Hữu	Tổng giám đốc	12.305.704	33,00
2	Bùi Quốc Công	Phó Tổng giám đốc	3.882.849	10,41
3	Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám Đốc	21.945	0,06
4	Ngô Văn Hân	TP Tài chính Kế toán	Miễn nhiệm ngày 30/07/2018	
5	Mai Văn Như	TP Tài chính Kế toán	Bổ nhiệm ngày 30/07/2018	Miễn nhiệm ngày 01/11/2018
6	Nguyễn Nghĩa Trung	Phụ trách phòng TCKT	Bổ nhiệm có thời hạn ngày 01/11/2018	

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation*** Các khoản đầu tư lớn/ Major investments:**

- + Đầu tư xây dựng Showroom chi nhánh Hồ Chí Minh
- + Đầu tư góp vốn CTCP kinh doanh và dịch vụ Số 8
- + Đầu tư dự án dòng xe hạng trung hạng nặng

4. Tình hình tài chính/ Financial situation**a) Tình hình tài chính/ Financial situation**

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year	Năm/Year	% tăng giảm/ % change
	2017	2018	
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	2.724,67	1.701,70	-37,54
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	2.336,37	1.281,72	-45,15
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	5,90	6,49	10,10
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	9,58	-2,65	-127,64
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	15,48	3,85	-75,16
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	11,33	1,20	-89,41

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year	Năm/Year	Ghi chú/ <i>Note</i>
	2017	2018	
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)	1,05	1,08	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset - Inventories/Short term Debt</i>)	0,34	0,22	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0,84	0,76	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	5,21	3,22	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	1,40	0,86	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	0,86	0,75	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,0049	0,0009	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0,0258	0,003	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0,0042	0,0007	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,0025	0,0051	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

❖ Cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

- Tổng số cổ phần: 37.287.680 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: 36.877.980 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 37.287.680 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chuyển nhượng: Không có

❖ Cơ cấu cổ đông**• Cổ đông trong nước:**

- Cơ cấu cổ đông trong nước:

➤ Cá nhân:

Số cổ đông: 895

Số cổ phiếu: 22.759.543 cổ phiếu

Tỷ lệ: 61,04%

➤ Tổ chức:

Số cổ đông: 34

Số cổ phiếu: 13.550.822 cổ phiếu

Tỷ lệ: 36,34%

- Các cổ đông lớn là cá nhân:

Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
Bùi Quốc Công	3.882.849	10,41%
Bùi Văn Hữu	12.305.704	33,0%
Lê Tiến Phan	1.897.461	5,09%

- Các cổ đông lớn là tổ chức:

+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà số 72 phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Số lượng cổ phiếu: 2.800.005 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 7,5%

+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí

Địa chỉ: 20 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số lượng cổ phiếu: 7.399.379 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 19,84%

• Cổ đông nước ngoài:

- Cơ cấu cổ đông nước ngoài:

➤ Cá nhân:

Số cổ đông: 41

Số cổ phiếu: 35.148 cổ phiếu

Tỷ lệ: 0,09%

➤ Tổ chức:

Số cổ đông: 19

Số cổ phiếu: 942.167 cổ phiếu

Tỷ lệ: 2,53%

- Các cổ đông lớn: không.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity:*

❖ **Các đợt tăng vốn trong năm:** không

❖ **Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks:***

Không

❖ **Các chứng khoán khác/ *Other securities:***

Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials: Nguồn nguyên liệu sử dụng cho sản xuất theo định mức được đề ra.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption: chủ yếu là tiêu thụ điện năng của Công ty điện lực.

6.3. Tiêu thụ nước/ Water consumption: nguồn nước được cấp phép.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:

- Số lần bị xử phạt: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

+ Số lượng lao động: 722 người

+ Mức lương trung bình: 8.500.000 đồng/ người

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Công ty đã kiện toàn lại cơ cấu tổ chức nhân sự, tuyển chọn mới những nhân sự giỏi, có trình độ năng lực kinh nghiệm và đảm nhiệm những vị trí quản lý quan trọng. Để thu hút và giữ vững nhân sự giỏi, Công ty đã chỉ đạo bộ phận chuyên môn khẩn trương xây dựng quy chế trả lương mới, chính sách thưởng, đãi ngộ, phúc lợi gắn với năng lực và hiệu quả lao động. Ngoài ra, Công ty còn xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng giải quyết công việc, kỹ năng giao tiếp... và xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho CBCNV.

- Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội: Tất cả cán bộ công nhân viên chính thức của Công ty đều được hưởng chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng, đủ và kịp thời.

Chính sách tiền thưởng: Người lao động được trả tiền thưởng theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty thực hiện đúng luật lao động. Hàng năm có nhiều đợt thưởng như: Lương tháng 13, Tết dương lịch, Lễ 30/4, Lễ 2/9, tết Nguyên Đán.... Ngoài ra hàng tháng Công ty có thưởng đột xuất cho những CBNV Công ty có thành tích xuất sắc mang lại hiệu quả tốt cho sự phát triển của Công ty.

- Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*: Theo quy định của Công ty.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community*.

Năm 2018 Công ty đã tham gia một số công tác thiện nguyện cho xã hội, góp một phần tích cực vào việc an sinh xã hội tại địa phương. Cụ thể:

- Quỹ Phòng chống thiên tai: 772.000 đồng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2018: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2018 ước tính tăng 7,08% so với năm 2017, trong đó quý I tăng 5,48%; quý II tăng 5,78%; quý III tăng 6,56%; quý IV tăng 6,68%.

Trong các ngành công nghiệp, ngành chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò chủ chốt, thúc đẩy tăng trưởng chung của toàn ngành với mức tăng 12,3% (quý I tăng 15,7%; quý II tăng 9,6%; quý III tăng 13,1%; quý IV tăng 11,1%), mặc dù thấp hơn mức tăng 14,7% của năm 2017 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2012-2016. Theo lĩnh vực hoạt động, năm 2018 có 46,4 nghìn doanh nghiệp thành lập mới trong ngành bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy (chiếm 35,3% tổng số doanh nghiệp thành lập mới), tăng 2,1% so với năm trước.

*** Thuận lợi:**

- Công ty đã xây dựng được hệ thống Đại lý tiêu thụ rộng khắp trên các tỉnh thành phố của cả nước.

- Công ty đã rất nỗ lực đưa ra nhiều giải pháp kích cầu, liên tục cải tiến, hoàn cải các chủng loại xe cho phù hợp với thị trường...

- Công ty đã giữ được tính thanh khoản tốt, trả nợ ngân hàng đúng hạn, trước hạn nên uy tín với ngân hàng tăng, xếp hạng tín dụng tăng.

- Lãi suất Ngân hàng có xu hướng duy trì ổn định, giảm dần ở mức 8,5% đến 9%/năm. Người dân dễ dàng tiếp cận vay vốn để mua xe.

- Đã tái cấu trúc chủ yếu một số bộ phận quan trọng trong công ty, tuyển dụng bổ sung thêm được một số cán bộ lãnh đạo có trình độ cao cho một số phòng ban, đơn vị nên năng lực, hiệu quả công việc của các phòng, ban, đơn vị được tăng lên.

- Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân lành nghề có kinh nghiệm sản xuất, lắp ráp các loại xe ô tô tải và ô tô khách.

- Công ty đã ký kết độc quyền lắp ráp và phân phối sản phẩm với các tập đoàn lớn của thế giới như SINOTRUK và TATA MOTORS của Ấn Độ tạo được bước ngoặt lớn trong định hướng phát triển dài hạn của Công ty.

*** Khó khăn:**

- Sự biến động tăng giảm của tỷ giá trong năm làm ảnh hưởng rất lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty.

- Một số thị trường chưa triển khai hiệu quả công tác bán hàng để tăng thị phần xe TMT. Một số Đại lý chưa thực hiện tốt dịch vụ sau bán hàng, chưa thực hiện việc phát triển thị trường, chưa trưng bày đầy đủ các sản phẩm TMT, chưa

chủ động tìm kiếm khách hàng mà chỉ bán sản phẩm khi có khách hàng đến nên dẫn đến thị phần ngày càng thu hẹp, doanh số sụt giảm.

- Công tác bán hàng chưa được làm tốt, chưa xây dựng được một chiến lược bán hàng dài hạn, chưa nắm bắt được thị hiếu của khách hàng tại từng vùng miền khác nhau để đưa ra sản phẩm phù hợp.

- Thị trường ô tô hội nhập và bị cạnh tranh gay gắt bởi các hãng xe khác nên Công ty phải thực hiện các chính sách khuyến mại, giảm giá để kích cầu. Chi phí cho việc khuyến mại, giảm giá để đẩy mạnh tiêu thụ và chi phí phát triển sản phẩm mới các chi phí sản xuất đầu vào tăng như vật tư, phụ tùng, điện, nước, vận tải...

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

* Tình hình tài sản/ *Assets*:

- Tổng tài sản của Công ty cổ phần ô tô TMT tại 31/12/2018 đạt 1.701,7 tỷ đồng. So với năm 2017, tổng tài sản tăng 702,77 tỷ đồng tương đương 34,76%.

- Tại ngày 31/12/2018, vốn chủ sở hữu là 403,02 tỷ đồng giảm 35 tỷ đồng tương ứng giảm 8,16% so với năm 2017.

* Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Tổng nợ phải tại 31/12/2018 là 1.298.69 tỷ đồng tăng 693,64 tỷ đồng so với năm 2016. Nguyên nhân các khoản Nợ phải trả tăng chủ yếu là nợ ngắn hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.

- Tiếp tục lộ trình tái cấu trúc toàn bộ Công ty, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao năng lực cạnh tranh, quản lý và sử dụng tốt nguồn lực bên trong và bên ngoài nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

- Xây dựng và quản lý chặt chẽ kế hoạch tài chính gắn liền với chiến lược phát triển của Công ty. Phát triển Công ty theo mô hình năng động, linh hoạt, tập trung vào các lợi thế của Công ty.

- Công ty chấp hành đầy đủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý hành chính cũng như trong các giao dịch. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý thực hiện tuân thủ tốt quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

4.1. Kế hoạch tại Công ty mẹ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch SXKD 2019	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng xe tiêu thụ	Chiếc	4.020	
2	Doanh thu thuần bán hàng	Triệu đồng	1.926.854	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	64.015	
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	51.500	
5	Chia cổ tức	%	0	
6	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	166.064	
7	Lương bình quân	Triệu đồng	9,5	

4.2 Các chỉ tiêu kinh tế xã hội khác

- Thực hiện chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của Nhà nước.

- Tạo môi trường làm việc tốt để CBCNV phát huy hết năng lực của mình đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty; hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn lao động trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Làm tốt công tác từ thiện xã hội để quảng bá và nâng cao hình ảnh, thương hiệu của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...)*: Công ty luôn tuân thủ đúng Pháp luật về bảo vệ môi trường, tuyên truyền thường xuyên cho CBCNV ý thức về bảo vệ môi trường, thực hiện tiết kiệm nguồn nước và nguồn năng lượng.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*: Công ty luôn cập nhật các chính sách liên quan đến người lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*: Công ty luôn tham gia đóng góp và thực hiện các chương trình do địa phương phát động, hỗ trợ và thực hiện tốt an ninh trật tự, an toàn xã hội; thường xuyên thực hiện các chương trình, hoạt động an sinh xã hội, từ thiện của địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Công tác bán hàng và phát triển sản phẩm: Công ty đã ký hợp tác độc quyền sản xuất lắp ráp và phân phối sản phẩm xe tải SINOTRUK của Trung Quốc và hợp tác lắp ráp và phân phối sản phẩm xe của tập đoàn TATA Motors Ấn Độ.

- Công tác đầu tư: Dự kiến xây dựng thêm 04 điểm trung bày bán hàng trực thuộc tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh

- Công tác tài chính: Thực hiện tốt việc giữ vững tính thanh khoản và đảm bảo đủ nguồn vốn để Công ty hoạt động kinh doanh.

- Công tác nhập khẩu: Thực hiện tốt việc nhập khẩu hàng hóa, đảm bảo số lượng, chủng loại đáp ứng nhu cầu bán hàng.

- Công tác sản xuất: Thực hiện tốt việc sản xuất, lắp ráp số lượng, chủng loại xe cần thiết đáp ứng nhu cầu bán hàng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

- Ban Tổng giám đốc đã thường xuyên báo cáo cho các thành viên Hội đồng quản trị, cung cấp đầy đủ thông tin, phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc về các mặt hoạt động của Công ty.

- Qua quá trình kiểm tra giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các giải pháp tích cực, nắm bắt đúng nhịp phát triển của thị trường đưa ra được những sản phẩm phù hợp làm tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Khi gặp khó khăn vướng mắc ngoài thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc, Ban điều hành đã kịp thời báo cáo trao đổi trực tiếp với Hội đồng quản trị để chỉ đạo góp ý những giải pháp cụ thể tháo gỡ trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

- Tiếp tục tái cấu trúc Công ty và các Công ty con để bộ máy tổ chức gọn nhẹ, tinh nhuệ và hiệu quả hơn

- Tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, nhất là giám sát trong các lĩnh vực sau:

- Giám sát hoạt động tài chính – kế toán toàn Công ty.

- Giám sát công tác tổ chức – cán bộ.

- Giám sát thực hiện vệ sinh, an toàn lao động tại Nhà máy ô tô Cửu Long và vệ sinh an toàn thực phẩm tại Nhà ăn tập thể.

V. Quản trị công ty/Corporate governance

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/Members and structure of the Board of Directors:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu CP tại 31/12/2017 (%)
1	Bùi Văn Hữu	Chủ tịch HĐQT	12.305.704	33,00%
2	Nguyễn Duy Hiếu	Ủy viên	9	0%
3	Bùi Quốc Công	Ủy viên	3.882.849	10,41%
4	Vũ Đình Phóng	Ủy viên	11.550	0,03%
5	Bùi Quốc Hưng	Ủy viên	47.366	0,13%
6	Trịnh Thị Hồng Lê	Ủy viên	1.000	0,002%
7	Đỗ Thị Hạnh	Ủy viên	15.360	0,04%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/The committees of the Board of Director:

Công ty sử dụng các phòng ban trong bộ máy điều hành, chưa thành lập các tiểu ban trong HĐQT để giúp việc độc lập. Hướng tới HĐQT sẽ phân công các thành viên HĐQT độc lập không điều hành phụ trách các mặt công tác khen thưởng, nhân sự và phát triển doanh nghiệp.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors:

Hội đồng quản trị đã lãnh đạo, giám sát và đôn đốc Ban Tổng giám đốc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ủy quyền.

Trong năm Hội đồng quản trị đã thường xuyên và định kỳ thực hiện việc kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc của Công ty trong hoạt động điều hành, hoạt động tài chính, chấp hành Điều lệ Công ty, quy chế, nghị quyết và Quyết định của HĐQT, Chấp hành luật pháp của Nhà nước. Hội đồng quản trị giám sát chặt chẽ các giao dịch của cổ đông lớn và đặc biệt là các thành viên trong ban lãnh đạo Công ty, thông qua việc thực hiện công bố thông tin, đã góp phần nâng cao trách nhiệm của HĐQT trước các cổ đông, tạo điều kiện cho các cổ đông trong việc giám sát HĐQT.

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Members and structure of the Board of Supervisors:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu TMT		Tỷ lệ (%)	
			Đại diện	Sở hữu cá nhân	Đại diện	Sở hữu cá nhân
1	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Trưởng Ban KS		1.056		0,00
2	Nguyễn Kim Ái	Thành viên Ban KS		3.854		0,01
3	Nguyễn Ngọc Kiến	Thành viên Ban KS		11.557		0,03

b. Hoạt động của Ban kiểm soát/Activities of the Board of Supervisors:

Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các buổi họp của Hội đồng quản trị, giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty. Trên cơ sở xem xét các Báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và hàng tháng đưa ra những kiến nghị kịp thời về các vấn đề có liên quan.

Ban kiểm soát đã duy trì sự độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát của mình đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ *Salary, rewards, remuneration and benefits:*

Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chủ trương Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã tạm ứng thù lao cho Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát là 1,03 tỷ đồng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders:*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders:*

Trong năm 2018 không có thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance:*

Hội đồng quản trị thực hiện việc quản lý và quản trị công khai, dân chủ và minh bạch, tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Công ty niêm yết về công tác kiểm toán và báo cáo định kỳ kết quả kiểm toán và quản trị 6 tháng, năm và thường niên. Các báo cáo tài chính đều được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/ *Auditor's opinions*

Chấp nhận toàn phần.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/ *Audited financial statements:*

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kết thúc tại ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ như sau: <http://tmt-vietnam.com/42/bao-cao-tai-chinh.htm>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.314.863.727.333	2.294.325.451.906
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.660.835.679	42.925.058.565
1.	Tiền	111	V.01	10.660.835.679	38.925.058.565
2.	Các khoản tương đương tiền	112		0	4.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	350.000.000	350.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		350.000.000	350.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		240.385.657.039	686.172.493.380
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	203.453.530.496	566.091.010.894
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.928.430.092	83.955.851.835
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	0	25.067.500.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	13.777.215.249	15.832.149.449
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(1.773.518.798)	(4.774.018.798)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	1.052.344.892.873	1.546.713.022.115
1.	Hàng tồn kho	141		1.061.050.391.004	1.548.223.280.707
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(8.705.498.131)	(1.510.258.592)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		11.122.341.742	18.164.877.846
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	6.258.246.580	5.309.628.084
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.827.695.471	12.840.604.556
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	36.399.691	14.645.206
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		386.840.704.655	430.341.740.440
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	0	0
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	0	0
II.	Tài sản cố định	220		283.206.246.782	321.171.493.683
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	232.722.080.116	270.751.493.683
	- Nguyên giá	222		383.748.410.168	418.040.177.125
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(151.026.330.052)	(147.288.683.442)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
	- Nguyên giá	225		0	0
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	50.484.166.666	50.420.000.000
	- Nguyên giá	228		50.655.939.000	50.578.939.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(171.772.334)	(158.939.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.11	0	4.666.938.836
1.	Nguyên giá	231		0	7.938.225.549
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	(3.271.286.713)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	70.657.542.604	69.077.857.182
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		70.657.542.604	69.077.857.182

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	1.408.467.514	500.605.100
1.	Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.407.983.014	0
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.073.530	501.073.530
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(589.030)	(468.430)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		31.568.447.755	34.924.845.639
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	22.570.566.016	23.700.433.340
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	314.817.706	804.735.460
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4.	Tài sản dài hạn khác	268		0	0
5.	Lợi thế thương mại	269	V.14	8.683.064.033	10.419.676.839
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.701.704.431.988	2.724.667.192.346

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.298.685.571.085	2.285.843.019.279
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.213.710.858.585	2.178.345.098.413
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	133.932.244.292	415.510.194.275
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		76.861.506.644	132.712.161.276
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	20.542.928.732	12.926.492.544
4.	Phải trả người lao động	314		3.309.632.520	8.379.154.350
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	10.398.768.814	9.073.334.269
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	1.574.088.528	0
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	12.119.018.263	11.641.405.181
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	952.614.631.733	1.584.889.079.488
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.358.039.059	3.213.277.030
13.	Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II.	Nợ dài hạn	330		84.974.712.500	107.497.920.866
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.16	0	0
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.18	0	0
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	0	0
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.19	16.610.400.000	17.545.934.500
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	68.364.312.500	89.951.986.366
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		403.018.860.903	438.824.173.067
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.21	403.018.860.903	438.824.173.067
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		372.876.800.000	372.876.800.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		372.876.800.000	372.876.800.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		360.727.624	956.560.833
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		483.226.387	483.226.387
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		16.016.668.608	16.935.954.539
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.961.638.009	18.075.495.786
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		18.795.564.910	9.237.876.876
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.166.073.099	8.837.618.910
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		0	0
13.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		2.000.789.922	38.177.125.169
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1.	Nguồn kinh phí	431		0	0
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.701.704.431.988	2.724.667.192.346

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.281.719.388.911	2.336.735.631.938
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	2.727.273	398.969.091
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.281.716.661.638	2.336.336.662.847
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	1.118.288.740.620	2.092.039.509.216
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		163.427.921.018	244.297.153.631
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	68.011.436.577	4.190.419.138
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	125.668.559.550	128.547.985.407
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>113.265.170.366</i>	<i>123.511.195.320</i>
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(87.201.692)	0
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	43.773.840.831	59.286.711.705
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	55.414.784.064	54.753.804.619
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.494.971.458	5.899.071.038
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	4.010.001.858	10.585.179.794
13.	Chi phí khác	32	VI.07	6.658.719.120	1.001.411.088
14.	Lợi nhuận khác	40		(2.648.717.262)	9.583.768.706
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.846.254.196	15.482.839.744
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	2.155.713.341	4.869.353.708
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	489.917.754	(720.387.818)
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.200.623.101	11.333.873.854
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.166.073.099	8.837.618.910
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		34.550.002	2.496.254.944
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	32	240
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	32	240

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.503.317.592.177	2.044.702.406.258
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(724.710.907.192)	(1.840.155.810.689)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(86.616.456.167)	(94.368.657.922)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(114.732.093.069)	(121.131.780.397)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(3.166.847.234)	(14.670.797.433)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.042.416.690	88.638.941.763
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(124.334.410.117)	(385.285.055.359)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		454.799.295.088	(322.270.753.779)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(6.939.220.098)	(99.116.669.187)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		164.145.455	9.252.590.909
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(81.059.000.000)	(26.520.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		106.126.500.000	14.648.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.450.000.000)	0
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		105.428.163.512	0
7.	Tiền thụ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.166.309.494	2.626.177.715
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		129.436.898.363	(99.109.900.563)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.200.000.000	0
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.607.509.378.045	2.530.302.053.516
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.222.153.319.482)	(2.080.095.863.955)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.056.394.600)	(444.379.400)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(616.500.336.037)	449.761.810.161
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(32.264.142.586)	28.381.155.819
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		42.925.058.565	14.504.936.934
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(80.300)	38.965.812
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		10.660.835.679	42.925.058.565

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con là sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty mẹ và công ty con trong năm tài chính hiện tại bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, các loại cột điện và dầm cầu phục vụ giao thông;
- Sản xuất các cấu kiện thép và bê tông cốt thép;

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với hoạt động sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại của Công ty khoảng từ 04 tháng đến 06 tháng. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của các hoạt động khác của Công ty mẹ và Công ty con là dưới 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách Công ty con được hợp nhất gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối năm	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 (*)	Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	-	-	54,06%
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Số 1053 Tô dân phố Kiên Trung, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội	89,28%	89,28%	89,28%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8 (*)	Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	30%	30%	60%

(*): Công ty con đến ngày 15/8/2018. Sau đó, Công ty mất quyền biểu quyết gián tiếp nên Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8 trở thành công ty liên kết.

- Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy ô tô Cửu Long	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy xe khách, xe buýt TMT	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 1454 Quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

05. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

Riêng quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

08. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa

04 - 15 năm

09. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là phần lãi của giá trị hàng tồn kho đã bán có lãi cho công ty liên kết trong năm nhưng công ty liên kết chưa bán hàng tồn kho cho bên thứ 3, tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

17. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua, lãi mua hàng trả chậm;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;

- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

20. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ hệ thống phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối năm, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

Nếu đến cuối năm kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong hệ thống.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ hệ thống sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối năm trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”. Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm của cả hệ thống. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:**

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong hệ thống phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của các công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	6.105.334.671	370.355.866
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.555.501.008	38.554.702.699
- Tiền đang chuyển	0	0
- Các khoản tương đương tiền	0	4.000.000.000
Cộng	10.660.835.679	42.925.058.565

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
Cộng	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000

b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị tính theo phương pháp vốn chủ	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ
+ Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	3.000.000.000	1.407.983.014	3.000.000.000	1.407.983.014
Cộng	3.000.000.000	1.407.983.014	3.000.000.000	1.407.983.014

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý
+ Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	30,00	30,00	3.000.000.000	1.407.983.014 (*)
Cộng	30,00	30,00	3.000.000.000	1.407.983.014

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
- Công ty Cổ phần thiết bị Bưu điện (POT)	679.000	(266.200)	412.800	679.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	394.530	(322.830)	71.700	394.530
- Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải ô tô	0	0	0	500.000.000
Cộng	1.073.530	(589.030)	484.500	501.073.530
				(468.430)
				528.000
				77.100
				(*)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8 chưa xác định giá trị hợp lý do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<u>203.453.530.496</u>	<u>566.091.010.894</u>
- Công ty Cổ phần Ô tô Phương Kháng	0	57.133.139.829
- Công ty TNHH Bình Dương	0	232.225.234.001
- Công ty TNHH Ô tô KMT	0	122.513.122.100
- Công ty CP đầu tư thương mại H&H Hà Nội	54.768.500.000	0
- Công ty cổ phần kinh doanh và dịch vụ số 8	43.431.206.123	14.416.088.000
- Công ty cổ phần phân phối SINOTRUK Việt Nam	63.017.000.000	0
- Ban quản lý dự án 3	11.748.344.053	17.059.980.417
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	30.488.480.320	122.743.446.547
<i>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Cộng	<u>203.453.530.496</u>	<u>566.091.010.894</u>

Trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	<u>98.199.706.123</u>	<u>14.420.797.000</u>

04. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
<i>a. Ngắn hạn</i>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>25.067.500.000</u>	<u>0</u>
- Cho cán bộ công nhân viên vay ^(a)	0	0	25.067.500.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>b. Dài hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Cộng	0	0	25.067.500.000	0

- (a) Khoản cho cán bộ công nhân viên của Công ty vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay ngắn hạn hiện hành của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại từng thời điểm cộng 1%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	13.777.215.249	(836.085.962)	15.832.149.449	(3.836.585.962)
- Tạm ứng	4.305.545.038	0	3.538.639.400	0
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.311.435.747	0	3.774.658.145	0
- Phải thu khác	592.162.155	(836.085.962)	8.518.851.904	(3.836.585.962)
+ Lãi phải thu về cho vay	0	0	1.770.911.766	0
+ Phải thu ông Phạm Văn Công	0	0	3.000.500.000	(3.000.500.000)
+ Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	423.331.199	0	0	0
+ Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai khấu trừ	1.457.427.273	0	0	0
+ Phải thu các đối tượng khác	2.687.313.837	(836.085.962)	3.747.440.138	(836.085.962)
b. Dài hạn	0	0	0	0
Cộng	13.777.215.249	(836.085.962)	15.832.149.449	(3.836.585.962)

06. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Ông Phạm Văn Công	0	0	3.000.500.000	0
- Nhà máy cơ khí 120	500.000.000	0	500.000.000	0
- Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng và Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam	1.342.966.056	671.483.028	1.342.966.056	671.483.028
- Các đối tượng khác	989.029.030	386.993.260	989.029.030	386.993.260

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	2.831.995.086	1.058.476.288	5.832.495.086	1.058.476.288
-------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

07. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	0	0	187.954.404	0
- Nguyên liệu, vật liệu	122.425.717.393	(3.151.483.579)	231.355.570.944	(693.212.826)
- Công cụ, dụng cụ	1.533.863.953	0	563.636.841	0
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	158.664.106.518	0	326.148.060.945	0
- Thành phẩm	270.864.032.887	(1.469.550.939)	431.880.809.729	(300.772.969)
- Hàng hoá	170.522.568.101	(4.084.463.613)	22.192.158.963	(516.272.797)
- Hàng gửi bán	337.040.102.152	0	535.895.088.881	0
Cộng	1.061.050.391.004	(8.705.498.131)	1.548.223.280.707	(1.510.258.592)

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm là 800.468.500.000 đồng.

08. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm	2.030.150.000	0
- Xây dựng cơ bản	68.627.392.604	69.077.857.182
+ Dự án mở rộng đầu tư Nhà máy lắp ráp xe ô tô	50.847.411.709	52.947.658.531
+ Showroom tại Hà Nội	0	7.027.244.155
+ Showroom tại thành phố Hồ Chí Minh	9.694.188.365	1.688.467.518
+ Phân xưởng giáo	3.090.770.232	2.811.743.037
+ Dự án khác	4.995.022.298	4.602.743.941
Cộng	70.657.542.604	69.077.857.182

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMTSố 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	207.793.829.178	157.256.099.139	47.379.282.732	1.562.785.348	4.048.180.728	418.040.177.125
- Mua trong năm	0	250.000.000	174.138.545	129.401.000	0	553.539.545
- Điều chuyển từ hàng tồn kho	0	0	1.458.133.998	0	0	1.458.133.998
- Giảm do thanh lý công ty con	(11.118.104.300)	(1.688.360.202)	(21.839.522.973)	(94.893.182)	0	(34.740.880.657)
- Thanh lý, nhượng bán	0	(90.929.800)	(1.422.520.043)	0	0	(1.513.449.843)
- Giảm khác	(49.110.000)	0	0	0	0	(49.110.000)
Số dư cuối năm	196.626.614.878	155.726.809.137	25.749.512.259	1.597.293.166	4.048.180.728	383.748.410.168

II. Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	70.116.021.294	49.617.782.679	21.972.593.950	1.534.104.791	4.048.180.728	147.288.683.442
- Khấu hao trong năm	8.202.521.006	8.810.938.989	3.006.014.914	5.833.332	0	20.025.308.241
- Giảm do thanh lý công ty con	(5.315.109.813)	(908.101.171)	(8.429.912.622)	(94.893.182)	0	(14.748.016.788)
- Thanh lý, nhượng bán	0	(90.929.800)	(1.422.520.043)	0	0	(1.513.449.843)
- Giảm khác	(26.195.000)	0	0	0	0	(26.195.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư cuối năm 72.977.237.487 57.429.690.697 15.126.176.199 1.445.044.941 4.048.180.728 151.026.330.052

III. Giá trị còn lại

1. Tại ngày đầu năm 137.677.807.884 107.638.316.460 25.406.688.782 28.680.557 0 270.751.493.683
2. Tại ngày cuối năm 123.649.377.391 98.297.118.440 10.623.336.060 152.248.225 0 232.722.080.116

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 86.782.894.909 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 173.170.099.912 VND và 5.425.762.487 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>50.420.000.000</i>	<i>158.939.000</i>	<i>50.578.939.000</i>
- Mua trong năm	0	77.000.000	77.000.000
- Tăng khác	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>50.420.000.000</i>	<i>235.939.000</i>	<i>50.655.939.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>0</i>	<i>158.939.000</i>	<i>158.939.000</i>
- Khấu hao trong năm	0	12.833.334	12.833.334
- Tăng khác	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>0</i>	<i>171.772.334</i>	<i>171.772.334</i>
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>50.420.000.000</i>	<i>0</i>	<i>50.420.000.000</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>50.420.000.000</i>	<i>64.166.666</i>	<i>50.484.166.666</i>

(*): Là quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa đất số 698, 699 tờ bản đồ số 8 xã Tân Thới Hiệp H.HM phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 158.939.000 đồng.

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là 50.420.000.000 đồng.

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
		trong năm	trong năm	
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	7.938.225.549	0	7.938.225.549	0
- Nhà	7.938.225.549	-	7.938.225.549	0
II. Giá trị hao mòn lũy kế	3.271.286.713	345.834.841	3.617.121.554	0
- Nhà	3.271.286.713	345.834.841	3.617.121.554	0
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	4.666.938.836	0	4.666.938.836	0
- Nhà	4.666.938.836	0	4.666.938.836	0

Giảm bất động sản đầu tư trong năm do thanh lý công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	6.258.246.580	5.309.628.084
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	68.786.608	362.466.545
- Chi phí vận chuyển hàng gửi bán	4.838.651.251	3.814.963.251
- Các khoản khác	1.350.808.721	1.132.198.288
b. Dài hạn	22.570.566.016	23.700.433.340
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.326.204.830	2.355.230.659
- Chi phí sửa chữa	2.490.585.744	4.827.804.437
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng	13.686.354.022	14.265.103.003
- Chi phí trả trước dài hạn khác	3.067.421.420	2.252.295.241
Cộng	28.828.812.596	29.010.061.424

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	0
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	314.817.706	804.735.460
- Số bù trừ với khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0
Tổng	314.817.706	804.735.460

14. Lợi thế thương mại

	Giá trị lợi thế thương mại đầu năm	Giá trị lợi thế thương mại phát sinh tăng	Số đã phân bổ trong năm	Giá trị còn lại cuối năm
- Lợi thế thương mại do đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	10.419.676.839	0	1.736.612.806	8.683.064.033
Cộng	10.419.676.839	0	1.736.612.806	8.683.064.033

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm			Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giảm do thanh lý công ty con	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Vay ngắn hạn	1.584.889.079.488	1.584.889.079.488	1.669.375.187.363	2.266.104.659.482	35.544.975.636	952.614.631.733	952.614.631.733	
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>1.496.379.215.852</i>	<i>1.496.379.215.852</i>	<i>1.164.378.565.545</i>	<i>2.008.403.737.664</i>	<i>21.475.612.000</i>	<i>630.878.431.733</i>	<i>630.878.431.733</i>	
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	800.000.000	800.000.000	62.163.000.000	61.263.000.000	1.700.000.000	0	0	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam ^(a)	464.095.273.520	464.095.273.520	491.798.075.135	632.223.904.795	0	323.669.443.860	323.669.443.860	
+ Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh ^(b)	137.010.797.826	137.010.797.826	295.526.844.140	271.129.433.500	0	161.408.208.466	161.408.208.466	
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	98.190.674.578	98.190.674.578	0	98.190.674.578	0	0	0	
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam ^(c)	197.496.315.032	197.496.315.032	136.102.435.134	229.707.577.485	0	103.891.172.681	103.891.172.681	
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(d)	251.445.088.354	251.445.088.354	88.027.611.963	325.853.356.903	0	13.619.343.414	13.619.343.414	
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	174.622.936.583	174.622.936.583	0	174.622.936.583	0	0	0	
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Minh Khai ^(e)	55.361.637.028	55.361.637.028	43.808.125.791	76.778.089.619	0	22.391.673.200	22.391.673.200	

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm			Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giảm do thanh lý công ty con	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(a)	14.629.192.969	14.629.192.969	19.429.133.382	28.159.736.239	0	5.898.590.112	5.898.590.112	
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam	99.907.299.962	99.907.299.962	0	99.907.299.962	0	0	0	
+ Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu - CN Thăng Long	2.820.000.000	2.820.000.000	13.330.460.000	10.320.000.000	5.830.460.000	0	0	
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	0	0	14.192.880.000	247.728.000	13.945.152.000	0	0	
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>61.771.500.000</i>	<i>61.771.500.000</i>	<i>479.857.890.000</i>	<i>232.659.740.000</i>	<i>10.675.000.000</i>	<i>298.294.650.000</i>	<i>298.294.650.000</i>	
+ Công ty TNHH Bình Dương	8.141.500.000	8.141.500.000	14.411.700.000	22.553.200.000	0	0	0	
+ Công ty TNHH MTV Đông Phát ^(s)	14.460.000.000	14.460.000.000	10.532.700.000	7.500.000.000	0	17.492.700.000	17.492.700.000	
+ Công ty CP Cơ khí Chính xác	0	0	45.000.000.000	45.000.000.000	0	0	0	
+ Ông Bùi Văn Hữu ^(b)	27.320.000.000	27.320.000.000	121.000.000.000	74.670.000.000	0	73.650.000.000	73.650.000.000	
+ Ông Bùi Quốc Công ^(c)	0	0	30.358.000.000	19.358.000.000	0	11.000.000.000	11.000.000.000	
+ Bà Trịnh Thị Hồng Lê ^(d)	0	0	66.927.000.000	0	0	66.927.000.000	66.927.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giảm do thanh lý công ty con	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Bà Vũ Thủy Vân ⁽¹⁾	0	0	39.832.130.000	0	0	39.832.130.000	39.832.130.000
+ Vay các đối tượng khác ⁽¹⁾	11.850.000.000	11.850.000.000	151.796.360.000	63.578.540.000	10.675.000.000	89.392.820.000	89.392.820.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	26.738.363.636	26.738.363.636	25.138.731.818	25.041.181.818		23.441.550.000	23.441.550.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ^(k)	4.400.000.000	4.400.000.000	3.310.000.000	4.400.000.000	0	3.310.000.000	3.310.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ⁽¹⁾	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	0	11.000.000.000	11.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội ^(m)	7.944.000.000	7.944.000.000	9.131.550.000	7.944.000.000	0	9.131.550.000	9.131.550.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàng Mai	3.394.363.636	3.394.363.636	1.697.181.818	1.697.181.818	3.394.363.636	0	0
b. Vay dài hạn	89.951.986.366	89.951.986.366	12.383.812.500	30.298.281.818		68.364.312.500	68.364.312.500
Từ 1 năm đến 5 năm	77.428.386.366	77.428.386.366	9.909.750.000	25.138.731.818		58.526.200.000	58.526.200.000
- Vay ngắn hạn	77.428.386.366	77.428.386.366	9.909.750.000	25.138.731.818		58.526.200.000	0
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ^(k)	3.310.000.000	3.310.000.000	0	3.310.000.000	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
 Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm			Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giảm do thanh lý công ty con	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ^(a)	33.000.000.000	33.000.000.000	0	11.000.000.000	0	22.000.000.000	22.000.000.000	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội ^(a)	35.748.000.000	35.748.000.000	9.909.750.000	9.131.550.000	0	36.526.200.000	36.526.200.000	
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.370.386.366	5.370.386.366	1.697.181.818	3.673.204.548	0	0	0	
Trên 5 năm	12.523.600.000	12.523.600.000	2.474.062.500	5.159.550.000		9.838.112.500	9.838.112.500	
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>12.523.600.000</i>	<i>12.523.600.000</i>	<i>2.474.062.500</i>	<i>5.159.550.000</i>		<i>9.838.112.500</i>	<i>9.838.112.500</i>	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội ^(a)	12.523.600.000	12.523.600.000	2.474.062.500	5.159.550.000	0	9.838.112.500	9.838.112.500	
- <i>Vay đối tượng khác</i>	0	0	0	0	0	0	0	
Cộng	1.674.841.065.854	1.674.841.065.854	1.681.758.999.863	2.296.402.941.300	39.218.180.184	1.020.978.944.233	1.020.978.944.233	

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

(a) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) với lãi 9%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long, 100% khối lượng thanh toán của các hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là người thụ hưởng về tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV và 100% số dư tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (b) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 8,5%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.
- (c) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam với lãi suất 9,3%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy Ô tô Cửu Long.
- (d) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong với lãi suất 8,4%/năm đến 8,7%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.
- (e) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam với lãi suất 6,9%/năm đến 7,7%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy Ô tô Cửu Long.
- (f) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam với lãi suất 8,0%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy Ô tô Cửu Long.
- (g) Khoản vay Công ty TNHH MTV Đông Phát với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, lãi suất vay là 1%/năm.
- (h) Khoản vay tín chấp ông Bùi Văn Hữu với lãi suất trong năm từ 1% đến 9%/năm.
- (k) Khoản vay ngắn hạn cá nhân với thời hạn vay 12 tháng, lãi suất từ 6,1% đến 9%/năm và được đảm bảo bằng tín chấp.
- (l) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 1200-LAV-201500685 ngày 27 tháng 7 năm 2015 tại Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Sở giao dịch với mục đích cải tạo, phục hồi thiết bị vận hành, chạy thử và đưa vào dây chuyền sơn ED với thời hạn vay tối đa 04 năm, kỳ hạn trả nợ gốc 3 tháng 1 lần vào ngày 25, kỳ hạn trả nợ lãi cùng kỳ trả nợ gốc. Lãi suất bằng lãi suất huy động trả sau + 3,7%/năm, định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là 01 dây chuyền sơn ED.
- (m) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 399/2016/HDCV/PVBHBT_TMT tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam ngày 28 tháng 10 năm 2016 với mục đích hoàn vốn chi phí đối với khoản đầu tư vào nhà máy sản xuất lắp ráp xe ô tô tải hạng trung, hạng nặng, thời hạn cho vay 05 năm được đảm bảo bằng quyền tài sản phát sinh từ quyền thuê đất tại huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên và một số máy móc thiết bị tại Nhà máy ô tô Cửu Long. Lãi suất vay áp dụng trong kỳ là 10,75%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(01) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0008/2016/HIDTDTDH-PN/SHB.110207 ngày 29 tháng 7 năm 2016 với mục đích cho vay đầu tư xây dựng trung tâm showroom và tổng kho – Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn cho vay 08 năm được đảm bảo bằng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai. Lãi suất vay áp dụng trong kỳ là 10%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	133.932.244.292	133.932.244.292	415.510.194.275	415.510.194.275
- Công ty Sinotruck - Hồng Kông	0	0	194.751.259.900	194.751.259.900
- Chongqing Shuguang Pant Industry Co.,Ltd	0	0	0	0
- Shandong kama automobile manufacturing co., Ltd	19.426.548.400	19.426.548.400	22.325.684.300	22.325.684.300
- Shangdong Tangjun Ouling Automobile Manufacture	15.324.226.156	15.324.226.156	97.031.825.717	97.031.825.717
- Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	17.125.042.710	17.125.042.710	17.565.509.784	17.565.509.784
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	82.056.427.026	82.056.427.026	83.835.914.574	83.835.914.574
b. Phải trả người bán dài hạn	0	0	0	0
Cộng	133.932.244.292	133.932.244.292	415.510.194.275	415.510.194.275

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Biến động khác (*)	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	0	9.943.643.373	59.353.784.952	55.042.665.829	0	0	14.254.762.496
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	0	19.076.336.659	19.076.336.659	0	0	0
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	1	197.979.796	197.979.797	0	0	0
- Thuế xuất nhập khẩu	14.645.206	0	21.424.207.874	21.409.562.668	0	0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	2.414.499.365	2.155.713.341	3.166.847.234	51.535.442	0	1.454.900.914
- Thuế thu nhập cá nhân	0	501.789.719	1.333.480.637	1.751.693.247	(46.149.999)	33.399.691	70.826.801
- Thuế tài nguyên	0	310.000	3.650.000	3.650.000	0	0	310.000
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	63.193.964	10.362.576.246	4.695.403.881	(3.947.016.979)	0	1.783.349.350
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	0	0	7.000.000	10.000.000	0	3.000.000	0
- Phí, lệ phí và các khoản khác	0	3.056.122	2.982.723.049	7.000.000	0	0	2.978.779.171
Cộng	14.645.206	12.926.492.544	116.897.452.554	105.361.139.315	(3.941.631.536)	36.399.691	20.542.928.732

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) : Biến động khác do thanh lý công ty con trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	<u>10.398.768.814</u>	<u>9.073.334.269</u>
- Chi phí lãi vay	2.802.123.969	3.292.851.265
- Chi phí vận chuyển	1.569.150.371	1.950.777.117
- Chi phí chính sách bán hàng	2.025.766.000	0
- Các khoản trích trước khác	4.001.728.474	3.829.705.887
<i>b. Dài hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Cộng	<u>10.398.768.814</u>	<u>9.073.334.269</u>

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	<u>12.119.018.263</u>	<u>11.641.405.181</u>
- Kinh phí công đoàn	7.176.553.635	6.198.304.943
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.672.729.627	1.870.554.286
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.269.735.001	2.454.445.952
<i>b. Dài hạn</i>	<u>16.610.400.000</u>	<u>17.545.934.500</u>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	16.600.000.000	17.535.534.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.400.000	10.400.000
Cộng	<u>28.729.418.263</u>	<u>29.187.339.681</u>

20. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	<u>1.574.088.528</u>	<u>0</u>
- Doanh thu nhận trước	0	0
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (*)	1.574.088.528	0
<i>b. Dài hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Cộng	<u>1.574.088.528</u>	<u>0</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*): Là phần lãi của giá trị hàng tồn kho đã bán có lãi cho công ty liên kết trong năm nhưng công ty liên kết chưa bán hàng tồn kho cho bên thứ 3, tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMTSố 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

21. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	372.876.800.000	956.560.833	483.226.387	(8.680.989.647)	15.467.214.755	12.323.852.956	36.267.914.350	429.694.579.634
Tăng vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0	0
Lãi trong năm trước	0	0	0	0	0	8.837.618.910	2.496.254.944	11.333.873.854
Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty mẹ	0	0	0	0	1.427.689.083	(2.855.378.166)	0	(1.427.689.083)
Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty con	0	0	0	0	41.050.701	(230.597.914)	(587.044.125)	(776.591.338)
Cổ tức bằng cổ phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0
Tăng/giảm khác do thay đổi tỷ lệ sở hữu	0	0	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm trước	372.876.800.000	956.560.833	483.226.387	(8.680.989.647)	16.935.954.539	18.075.495.786	38.177.125.169	438.824.173.067
Tăng vốn trong năm	0	0	0	0	0	0	1.200.000.000	1.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
+ Ông Bùi Văn Hữu	123.057.040.000	33,00	123.057.040.000	33,00
+ Ông Lê Tiến Phan	18.974.610.000	5,09	18.974.610.000	5,09
+ Ông Bùi Quốc Công	38.828.490.000	10,41	38.828.490.000	10,41
+ Ông Bùi Văn Kiên	24.834.350.000	6,66	24.834.350.000	6,66
+ Công ty CP chứng khoán Asean	0	-	40.000.000.000	10,73
+ Các đối tượng khác	167.182.310.000	44,84	127.182.310.000	34,11
Cộng	372.876.800.000	100	372.876.800.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	372.876.800.000	372.876.800.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	372.876.800.000	372.876.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.287.680	37.287.680
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.287.680	37.287.680
+ Cổ phiếu phổ thông	37.287.680	37.287.680
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
+ Cổ phiếu phổ thông	409.700	409.700
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.877.980	36.877.980
+ Cổ phiếu phổ thông	36.877.980	36.877.980
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại			
- USD	USD	10.395,50	5.621,46
- EUR	EUR	422,95	398,04
Tài sản nhận giữ hộ			
- Xe ô tô tài nhận giữ hộ	Xe	134	0
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	11.169.734.400	11.319.786.900

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	75.731.999.912	223.534.900.388
- Doanh thu bán thành phẩm	1.176.802.392.384	2.066.170.591.234
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.910.645.144	25.558.913.328
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	15.119.874.440	21.227.149.120
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	0	47.089.909
- Doanh thu khác	154.477.031	196.987.959
Cộng	1.281.719.388.911	2.336.735.631.938
Trong đó:		

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	219.868.925.182	115.392.968.185

02. Giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	0	8.181.818
- Hàng bán bị trả lại	2.727.273	390.787.273
Cộng	2.727.273	398.969.091

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Giá vốn của hàng hóa đã bán	68.919.775.799	303.367.971.827
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.014.299.810.270	1.758.690.821.372
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.251.814.460	19.906.519.270
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	8.485.005.628	9.751.182.570
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	0	76.359.338
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.195.239.539	246.654.839
- Giá vốn các hoạt động khác	137.094.924	0
Cộng	1.118.288.740.620	2.092.039.509.216

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.448.172.680	2.233.026.911
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.000.000	40.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	427.502.619	1.901.214.659
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	0	16.177.568
- Lãi do thanh lý công ty con	62.095.761.278	0
Cộng	68.011.436.577	4.190.419.138

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	113.265.170.366	123.511.195.320
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	9.200.679.215	0
- Phí chuyển nhượng khoản đầu tư	269.857.188	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.850.087.884	5.036.884.887
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	120.600	(94.800)
- Chi phí tài chính khác	82.644.297	0
Cộng	125.668.559.550	128.547.985.407

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.865.806.524	9.059.302.909
- Các khoản khác	1.144.195.334	1.525.876.885
Cộng	4.010.001.858	10.585.179.794

07. Chi phí khác

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí dự án không thực hiện	2.100.246.822	0
- Tiền phạt vi phạm hành chính, chậm nộp bảo hiểm, phạt chậm nộp	4.047.346.746	234.303.800
- Lỗ thanh lý TSCĐ	0	532.173.436
- Các khoản khác	511.125.552	234.933.852
Cộng	6.658.719.120	1.001.411.088

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	55.414.784.064	54.753.804.619
- Chi phí nhân viên quản lý	29.952.550.063	26.417.427.549
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.806.325.696	3.711.093.064
- Chi phí dự phòng	(3.000.500.000)	0
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.019.213.684	17.479.348.604
- Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	1.736.612.806	1.736.612.806
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.900.581.815	5.409.322.596
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	43.773.840.831	59.286.711.705
- Chi phí nhân viên	12.395.446.609	13.628.206.459
- Chi phí khấu hao TSCĐ	180.947.078	156.012.776
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.216.881.071	37.888.112.728
- Chi phí Bảo hành khuyến mại	1.511.092.946	3.383.849.753
- Chi phí trả cho nhân viên của đại lý	2.840.062.000	3.414.100.000
- Chi phí khác	1.629.411.127	816.429.989
Cộng	99.188.624.895	114.040.516.324

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.155.713.341	4.869.353.708
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	0	0
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.155.713.341	4.869.353.708

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(314.817.706)	(804.735.460)
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	804.735.460	84.347.642
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	489.917.754	(720.387.818)

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.166.073.099	8.837.618.910
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	0	0
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.166.073.099	8.837.618.910
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	0	0
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	36.877.980	36.877.980
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	240

(*) : Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018.

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.166.073.099	8.837.618.910
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	0	0
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.166.073.099	8.837.618.910
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	0	0
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	36.877.980	36.877.980
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	0	0
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	240

(*) : Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	441.048.403.949	1.895.557.741.694
- Chi phí nhân công	96.504.994.116	107.181.717.242
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.383.976.416	20.634.191.460
- Chi phí trả cho nhân viên đại lý	2.840.062.000	6.615.600.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.504.427.629	28.253.018.459
- Chi phí khác	24.100.089.990	59.994.325.479
Cộng	641.381.954.100	2.118.236.594.334

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	Năm nay	Năm trước
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính.	0	2.312.220.421

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Tài chính Kế toán và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

	Năm nay	Năm trước
Ông Bùi Văn Hữu – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		
- Vay ngắn hạn	121.000.000.000	0
- Trả nợ vay ngắn hạn	74.670.000.000	2.280.000.000
- Chi phí đi vay	4.086.118.886	2.632.338.000
- Chi cho vay vốn	0	7.000.000.000
- Thu tiền lại tiền cho vay vốn	0	7.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
- Lãi cho vay vốn	0	94.500.000
Ông Bùi Quốc Công - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc		
- Vay ngắn hạn	30.358.000.000	0
- Trả nợ vay ngắn hạn	19.358.000.000	0
- Lãi cho vay vốn	332.816.986	0
Ông Trịnh Xuân Nhâm - Phó Tổng Giám đốc		
- Vay ngắn hạn	8.500.000.000	0
- Trả nợ vay ngắn hạn	8.500.000.000	0
- Lãi cho vay vốn	82.974.900	0

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Bùi Văn Hữu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		
+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	73.650.000.000	27.320.000.000
Ông Bùi Quốc Công - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc		
+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.000.000.000	0
Cộng nợ phải trả	84.650.000.000	27.320.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng và phụ cấp	4.915.746.000	4.547.012.400
Cộng	4.915.746.000	4.547.012.400

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8

Mối quan hệ

Công ty con đến ngày 15/8/2018, ông Bùi Văn Hữu là thành viên HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
	Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 đến ngày 10/01/2019.
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	Công ty con đến ngày 15/8/2018, Công ty liên kết từ ngày 16/8/2018
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại H&H Hà Nội	Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu	219.868.925.182	115.392.968.185
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	52.382.260.882	78.886.959.099
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	91.012.391.576	36.506.009.086
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại H&H Hà Nội	76.474.272.724	0
Mua hàng hóa, dịch vụ	10.082.041.251	36.489.588.838
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	10.082.041.251	36.489.588.838
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.132.914.800	590.416.399
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	4.132.914.800	590.416.399
Chiết khấu thanh toán	3.533.191.564	4.440.375.002
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	3.533.191.564	4.440.375.002
Trả vay ngắn hạn	0	5.300.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại H&H Hà Nội	0	5.300.000.000
Lãi tiền vay	0	119.250.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại H&H Hà Nội	0	119.250.000
Góp vốn bằng tài sản	3.000.000.000	119.250.000
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	3.000.000.000	0
Chuyển nhượng tài sản	4.012.244.545	0
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	4.012.244.545	0

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

Số cuối năm

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>98.199.706.123</i>	<i>14.420.797.000</i>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại H&H Hà Nội	54.768.500.000	0
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	43.431.206.123	14.420.797.000
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>423.331.199</i>	<i>2.962.525.781</i>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	423.331.199	590.416.399
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	0	2.372.109.382
Cộng các khoản phải thu	<u>98.623.037.322</u>	<u>17.383.322.781</u>
	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	<i>2.297.064.083</i>	<i>3.029.523.517</i>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	2.297.064.083	3.029.523.517
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<i>17.045.689.244</i>	<i>38.448.848.744</i>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	17.045.689.244	38.448.848.744
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>1.193.924.373</i>	<i>2.165.917.814</i>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	1.193.924.373	2.165.917.814
<i>Phải trả dài hạn khác</i>	<i>300.000.000</i>	<i>300.000.000</i>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	300.000.000	300.000.000
Cộng công nợ phải trả	<u>20.836.677.700</u>	<u>43.944.290.075</u>

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất: Sản xuất và lắp ráp xe ô tô;
- Dịch vụ: Dịch vụ vận tải;
- Thương mại: Kinh doanh thương mại xe ô tô;
- Gia công cấu kiện thép;
- Lĩnh vực khác: Xây dựng công trình giao thông; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khác và đầu tư tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản xuất, lắp ráp ô tô	Dịch vụ vận tải	Kinh doanh xe ô tô	Gia công cấu kiện thép	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.168.611.212.179	13.404.792.025	67.876.064.998	8.188.452.932	85.731.900.782	1.343.812.422.916
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0	0	0
- Chi phí phân bổ	1.200.226.844.869	21.087.840.285	74.757.197.919	5.803.812.837	35.441.755.548	1.337.317.451.458
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(31.615.632.690)	(7.683.048.260)	(6.881.132.921)	2.384.640.095	50.290.145.234	6.494.971.458
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	8.955.364.258,00	102.724.323,00	520.151.510,00	62.750.193,00	656.985.310,00	10.297.975.594
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	18.154.448.427	208.244.284	1.054.458.924	127.208.130	1.331.850.452	20.876.210.217
Số dư cuối năm						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.441.273.437.157	0	222.191.217.538	4.047.049.653	13.090.360.414	1.680.602.064.762
- Tài sản không phân bổ						21.102.367.226
Tổng tài sản	1.441.273.437.157	0	222.191.217.538	4.047.049.653	13.090.360.414	1.701.704.431.988
- Nợ phải trả bộ phận	1.194.424.592.939	0	69.375.375.198	8.369.327.162	24.158.236.727	1.296.327.532.026
- Nợ phải trả không phân bổ						2.358.039.059
Tổng nợ phải trả	1.194.424.592.939	0	69.375.375.198	8.369.327.162	24.158.236.727	1.298.685.571.085

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm trước	Sản xuất, lắp ráp ô tô	Dịch vụ vận tải	Kinh doanh xe ô tô	Gia công cấu kiện thép	Lĩnh vực khác	Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.053.667.423.699	24.632.578.509	217.905.783.188	12.104.198.444	28.026.679.007	2.336.336.662.847
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0	0	0
- Chi phí phân bổ	1.963.650.255.101	21.951.151.344	319.982.793.410	5.830.390.197	19.023.001.757	2.330.437.591.809
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	90.017.168.598	2.681.427.165	(102.077.010.222)	6.273.808.247	9.003.677.250	5.899.071.038
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	100.934.772.704	1.210.655.476	10.709.752.925	594.903.783	1.377.470.589	114.827.555.477
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.279.203.609	2.004.713.870	582.189.366	1.430.021.264	376.646.918	11.672.775.027
Số dư cuối năm trước						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.443.848.044.328	11.583.775.946	171.100.488.077	5.692.149.636	13.179.893.855	2.645.404.351.842
- Tài sản không phân bổ						79.262.840.504
Tổng tài sản	2.443.848.044.328	11.583.775.946	171.100.488.077	5.692.149.636	13.179.893.855	2.724.667.192.346
- Nợ phải trả bộ phận	1.849.101.568.317	20.807.680.025	378.821.060.408	10.224.682.245	23.674.751.254	2.282.629.742.249
- Nợ phải trả không phân bổ						3.213.277.030
Tổng nợ phải trả	1.849.101.568.317	20.807.680.025	378.821.060.408	10.224.682.245	23.674.751.254	2.285.843.019.279

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.660.835.679	0	42.925.058.565	0
Phải thu khách hàng và phải thu khác	204.045.692.651	(1.773.518.798)	571.071.223.398	(4.774.018.798)
Phải thu về cho vay	0	0	25.067.500.000	0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	350.000.000	0	350.000.000	0
Đầu tư tài chính dài hạn	1.073.530	(589.030)	501.073.530	(468.430)
Cộng	215.057.601.860	(1.774.107.828)	639.914.855.493	(4.774.487.228)
			213.283.494.032	635.140.368.265

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	133.932.244.292	415.510.194.275	133.932.244.292	415.510.194.275
Vay và nợ	1.020.978.944.233	1.674.841.065.854	1.020.978.944.233	1.674.841.065.854
Chi phí phải trả	10.398.768.814	9.073.334.269	10.398.768.814	9.073.334.269
Các khoản phải trả khác	17.880.135.001	20.000.380.452	17.880.135.001	20.000.380.452
Cộng	1.183.190.092.340	2.119.424.974.850	1.183.190.092.340	2.119.424.974.850

05. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07, V.09, V.10 và V.15). Giá trị sổ sách của tài sản cố định đã thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 là 170.915.827.070 đồng.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2018.

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các cá nhân vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	133.932.244.292	0	0	133.932.244.292
Vay và nợ	952.614.631.733	58.526.200.000	9.838.112.500	1.020.978.944.233

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Chi phí phải trả	10.398.768.814	0	0	10.398.768.814
Các khoản phải trả khác	1.269.735.001	16.610.400.000	0	17.880.135.001
Cộng	1.098.215.379.840	75.136.600.000	9.838.112.500	1.183.190.092.340
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	415.510.194.275	0	0	415.510.194.275
Vay và nợ	1.584.889.079.488	77.428.386.366	12.523.600.000	1.674.841.065.854
Chi phí phải trả	9.073.334.269	0	0	9.073.334.269
Các khoản phải trả khác	2.454.445.952	17.545.934.500	0	20.000.380.452
Cộng	2.011.927.053.984	94.974.320.866	12.523.600.000	2.119.424.974.850

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT TP Hồ Chí Minh
- <http://www.tmt-vietnam.com>
- Lưu; VPCT, HDQT, BKS

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Hữu